

Số: /HD-SNV

Quảng Ngãi, ngày tháng 11 năm 2023

**HƯỚNG DẪN**  
**Xây dựng Đề án vị trí việc làm trong**  
**các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập (*sau đây gọi tắt là Nghị định 106/2020/NĐ-CP*) và các Thông tư hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương liên quan đến việc xây dựng Đề án vị trí việc làm;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 5528/UBND-NC ngày 03/11/2023 về việc xây dựng Đề án vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập; Sở Nội vụ hướng dẫn xây dựng lại Đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

**I. ĐỐI TƯỢNG XÂY DỰNG ĐỀ ÁN VỊ TRÍ VIỆC LÀM**

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh (*bao gồm cả Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi*);
- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục và tương đương thuộc sở;
- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

**II. NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC**

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP. Trong đó lưu ý: Bảo đảm cơ cấu hợp lý, số lượng người làm việc tại các vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung chiếm tỉ lệ tối thiểu 65% tổng số lượng người làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập.

**III. CĂN CỨ XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC, CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**

- Căn cứ xác định vị trí việc làm:** Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP
- Căn cứ xác định biên chế công chức:** Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP
- Căn cứ xác định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp**  
Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP

**IV. PHÂN LOẠI VỊ TRÍ VIỆC LÀM**

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP

## V. TRÌNH TỰ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

### 1. Các bước xác định vị trí việc làm

Xác định vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập theo phương pháp tổng hợp trên cơ sở kết hợp giữa việc phân tích tổ chức, phân tích công việc với thống kê, đánh giá thực trạng đội ngũ viên chức của đơn vị và được thực hiện theo các bước sau:

**Bước 1:** Các cơ quan, đơn vị triển khai đến từng cá nhân viên chức và người lao động thống kê công việc hiện đang được đảm nhiệm (*kể cả các công việc thực hiện chế độ hợp đồng lao động theo các quy định của pháp luật*).

**Bước 2:** Thống kê công việc theo chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập: Từng đơn vị cấp phòng thống kê công việc của phòng mình trên cơ sở tổng hợp các công việc do cá nhân thống kê. Bộ phận làm công tác tổ chức của đơn vị tổng hợp kết quả thống kê của các phòng để thống kê thành công việc của đơn vị.

Việc thống kê công việc theo chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của đơn vị trực thuộc thực hiện như sau:

a) Thống kê những công việc có tính chất thường xuyên, liên tục, ổn định, lâu dài, lặp đi lặp lại có tính chu kỳ mà đơn vị thực hiện, gồm:

- Những công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị; trưởng phòng, phó trưởng phòng và tương đương của các tổ chức cấu thành do cơ quan có thẩm quyền quy định;

- Những công việc thực thi, thừa hành thuộc về chức danh nghề nghiệp chuyên ngành; những công việc mang tính chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung của viên chức thuộc đơn vị, trong đó nêu rõ:

+ Những công việc thuộc về nghề nghiệp chuyên ngành của đơn vị (*gọi chung là công việc nghiệp vụ chuyên ngành*);

+ Những công việc mang tính nghề nghiệp chuyên môn dùng chung;

+ Những công việc hỗ trợ, phục vụ cho công việc nghiệp vụ chuyên ngành và công việc nghiệp vụ chuyên môn dùng chung (*gọi chung là công việc hỗ trợ, phục vụ*).

b) Không thống kê những công việc có tính thời vụ, đột xuất hoặc công việc không thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị (*kể cả những công việc giao kiêm nhiệm*).

c) Thống kê công việc được thực hiện theo trình tự từ tổ chức cấp dưới lên tổ chức cấp trên trong cơ cấu tổ chức của đơn vị.

### **Bước 3.** Phân nhóm công việc

Trên cơ sở thống kê công việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị, người đứng đầu đơn vị tổ chức chỉ đạo, triển khai việc tổng hợp và phân nhóm công việc như sau:

- Nhóm công việc lãnh đạo, quản lý;

- Nhóm công việc chức danh nghề nghiệp chuyên ngành;

- Nhóm công việc chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: Hành chính, tổng hợp, quản trị văn phòng, tổ chức cán bộ, kế hoạch tài chính và các vị trí việc làm không giữ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nhóm công việc hỗ trợ, phục vụ.

**Bước 4. Xác định các yếu tố ảnh hưởng**

a) Các yếu tố ảnh hưởng đến việc xác định vị trí việc làm trong từng đơn vị gồm:

- Tính chất, đặc điểm, mức độ phức tạp và quy mô, phạm vi, đối tượng quản lý;

- Quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và xử lý công việc;

- Mức độ hiện đại hóa công sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin;

- Thực trạng chất lượng, số lượng viên chức của đơn vị;

- Khối lượng công việc được cấp có thẩm quyền giao;

- Yêu cầu về hiệu quả, hiệu lực quản lý và chất lượng công việc;

- Chế độ làm việc, cách thức tổ chức công việc của đơn vị;

- Những yếu tố đặc thù của ngành, lĩnh vực hoạt động.

**Bước 5. Thống kê, lập báo cáo đánh giá thực trạng đội ngũ viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 trong đơn vị sự nghiệp đảm bảo phục vụ cho việc xây dựng Đề án vị trí việc làm:**

a) Thống kê thực trạng số lượng, chất lượng viên chức và người lao động tại thời điểm lập Đề án.

b) Báo cáo đánh giá thực trạng việc đáp ứng yêu cầu công việc, bố trí, sử dụng và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ viên chức và người lao động ở cơ quan.

**Bước 6. Xác định vị trí việc làm, danh mục vị trí việc làm, số lượng người làm việc.**

a) Trên cơ sở thống kê, phân nhóm công việc; các yếu tố ảnh hưởng; thống kê, đánh giá thực trạng đội ngũ viên chức, chức danh nghề nghiệp và danh mục vị trí việc làm do Bộ Nội vụ, Bộ quản lý ngành, lĩnh vực hướng dẫn, cơ quan, đơn vị xác định các vị trí việc làm cần thiết và tổng hợp thành danh mục vị trí việc làm của đơn vị.

b) Mỗi vị trí việc làm khi xác định phải thuộc một nhóm công việc (*lãnh đạo, quản lý; nghề nghiệp chuyên ngành; nghề nghiệp chuyên môn dùng chung hoặc hỗ trợ, phục vụ*), bao gồm một hoặc một số công việc cụ thể.

c) Danh mục vị trí việc làm của đơn vị bao gồm:

- *Nhóm vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý*: Theo thông tư hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực. Đối với ngành, lĩnh vực chưa có Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý thì tạm thời sử dụng Danh mục vị trí việc làm đã được Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ tổng hợp tại Văn bản số 242-CV/BCSD ngày 18/02/2022 (*có Danh mục vị trí việc làm kèm theo*).

- *Nhóm vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp chuyên ngành (chuyên môn):* Theo thông tư hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực. Trong đó, lưu ý **tên vị trí việc làm phải gắn với chức danh nghề nghiệp tương ứng**. Ví dụ: Lưu trữ viên chính; Lưu trữ viên; ... Đối với ngành, lĩnh vực chưa có Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành, chức danh nghề nghiệp chuyên ngành thì tạm thời sử dụng danh mục vị trí việc làm đã được Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ tổng hợp tại Văn bản số 242-CV/BCSĐ ngày 18/02/2022 (*có Danh mục vị trí việc làm kèm theo*).

- *Nhóm vị trí việc làm gắn với công việc chuyên môn dùng chung:* Theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 và Công văn số 580/BNV-TCBC ngày 17/02/2023 của Bộ Nội vụ đính chính các Phụ lục kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022. Trong đó, lưu ý **tên vị trí việc làm phải gắn với ngạch tương ứng**, Ví dụ: Chuyên viên hành chính – văn phòng; ...

- *Nhóm vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ:* Theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 và Công văn số 580/BNV-TCBC ngày 17/02/2023 của Bộ Nội vụ đính chính các Phụ lục kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022.

- Cách đánh mã vị trí việc làm thống nhất như sau: **Tên đơn vị – Nhóm VTVL-STT.**

*Ví dụ:*

+ TTLT-LĐQL-01: Vị trí việc làm của Trung tâm Lưu trữ, Nhóm Lãnh đạo quản lý, vị trí Giám đốc Trung tâm;

+ TTLT-NNCN-01: Vị trí việc làm của Trung tâm Lưu trữ, Nhóm nghề nghiệp chuyên ngành, vị trí Lưu trữ viên chính;

+ TTLT-CMDC-01: Vị trí việc làm của Trung tâm Lưu trữ, Nhóm nghề nghiệp chuyên môn dùng chung, vị trí Chuyên viên hành chính – văn phòng;

...

d) Danh mục vị trí việc làm của đơn vị được tổng hợp từ các vị trí việc làm cụ thể và được sắp xếp theo thứ tự: vị trí lãnh đạo, quản lý; vị trí nghề nghiệp chuyên ngành; vị trí nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; vị trí hỗ trợ, phục vụ theo **Phụ lục số 1** kèm theo **Hướng dẫn này**.

**Bước 7.** Xây dựng Bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm.

a) Trên cơ sở danh mục vị trí việc làm được xác định tại **Bước 6**, việc xây dựng bản mô tả công việc của từng vị trí việc làm phải đảm bảo các nội dung như: Mục tiêu vị trí việc làm; công việc và tiêu chí đánh giá; các mối quan hệ công việc; phạm vi quyền hạn; yêu cầu về trình độ, năng lực.

b) Bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm được hướng dẫn tại các Mẫu ban hành kèm theo Thông tư của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực. Trong quá trình xây dựng Bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm theo Mẫu hướng dẫn, các cơ quan, đơn vị rà soát, bổ sung các nhiệm vụ cụ thể của từng vị trí việc làm cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ

được giao và yêu cầu thực tiễn. Bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm được hướng dẫn tại các Mẫu ban hành kèm theo những Thông tư cụ thể sau:

- *Đối với vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý:*

Theo thông tư hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực. Đối với ngành, lĩnh vực chưa có Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý thì tạm thời sử dụng Bản mô tả công việc và khung năng lực đã được Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ tổng hợp tại Văn bản số 242-CV/BCSD ngày 18/02/2022 (có Danh mục vị trí việc làm kèm theo).

- *Nhóm vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp chuyên ngành (chuyên môn):* Theo thông tư hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực. Đối với ngành, lĩnh vực chưa có Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành thì tạm thời sử dụng Bản mô tả công việc và khung năng lực đã được Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ tổng hợp tại Văn bản số 242-CV/BCSD ngày 18/02/2022 (có Danh mục vị trí việc làm kèm theo).

- *Nhóm vị trí việc làm gắn với công việc chuyên môn dùng chung:* Theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 và Công văn số 580/BNV-TCBC ngày 17/02/2023 của Bộ Nội vụ đính chính các Phụ lục kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022

- *Nhóm vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ:* Theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 và Công văn số 580/BNV-TCBC ngày 17/02/2023 của Bộ Nội vụ đính chính các Phụ lục kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022.

c) Bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm thực hiện theo **Phụ lục số 2** kèm theo Hướng dẫn này.

**Bước 8.** Xác định số lượng người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP

a) Các cơ quan, đơn vị xác định số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước cần có của từng vị trí việc làm căn cứ vào số lượng biên chế được cấp có thẩm quyền giao (*tạm thời thực hiện theo Kế hoạch giao biên chế năm 2024 của Ban Cán sự đảng UBND tỉnh; trường hợp có điều chỉnh, Sở Nội vụ sẽ thông tin đến cho các cơ quan, tổ chức, địa phương*). Việc xây dựng vị trí việc làm, xác định số lượng người làm việc phải gắn với thực hiện tinh giản biên chế theo chỉ đạo của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Việc bố trí biên chế sự nghiệp tại các vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và chuyên môn dùng chung chiếm tỷ lệ tối thiểu 65% tổng số biên chế sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập, không bao gồm số lượng người làm việc tại vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ.

c) Xác định số lượng hợp đồng lao động theo Nghị định 111 không vượt quá số lượng hiện có mặt đến ngày 31/10/2023.

Số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP cần có để bố trí theo từng vị trí việc làm tổng hợp theo **cột 5, 6, 7, 8 Phụ lục số 1** kèm theo Hướng dẫn này.

**Bước 9.** Xác định cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp

Các cơ quan, đơn vị xây dựng cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp theo từng vị trí việc làm đảm bảo phù hợp với mức độ phức tạp của công việc, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp viên chức và số lượng biên chế sự nghiệp cần bố trí theo từng vị trí việc làm; tạm thời xác định tỷ lệ phần trăm viên chức (*kể cả viên chức lãnh đạo, quản lý*) giữ hạng chức danh nghề nghiệp như sau:

a) Đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh và đơn vị sự nghiệp xếp hạng I, gồm: Đối với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh, Trường Đại học Phạm Văn Đồng, Trường Cao đẳng Việt Nam – Hàn Quốc – Quảng Ngãi và Bệnh viện Đa khoa tỉnh (*hạng I*): Tỷ lệ phần trăm viên chức (*kể cả viên chức lãnh đạo, quản lý*) giữ hạng chức danh nghề nghiệp **hạng I, hạng II** và tương đương không vượt quá **40%** trong tổng số biên chế sự nghiệp của đơn vị; các hạng chức danh còn lại do đơn vị tự đề xuất.

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố:

Thực hiện theo Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực (*đã có 10/15 Bộ, ngành ban hành Thông tư hướng dẫn*). Đối với các ngành, lĩnh vực chưa có Thông tư hướng dẫn thì tạm thời thực hiện theo Văn bản số 242-CV/BCSD ngày 18/02/2022 của Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ; sau khi Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành Thông tư hướng dẫn sẽ thực hiện sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp tổng hợp theo **Phụ lục số 3** kèm theo Hướng dẫn.

**Bước 10. Hoàn thiện Đề án vị trí việc làm**

Sau khi thực hiện các bước trên, các cơ quan, đơn vị xây dựng Đề án vị trí việc làm của đơn vị mình theo Mẫu Đề án kèm theo.

**2. Quy trình xây dựng, thẩm định Đề án vị trí việc làm**

a) Trình tự xây dựng Đề án vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thuộc các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

**Bước 1.** Thủ trưởng các cơ quan (có đơn vị sự nghiệp công lập), đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo việc xây dựng Đề án vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo mẫu Đề án kèm theo Hướng dẫn này.

Hàng năm, cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm rà soát về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt. Nếu có thay đổi theo các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP thì xây dựng đề án điều chỉnh vị trí việc làm, trình cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh theo quy định.

**Bước 2.** Các sở, ban, ngành có đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tiến hành rà soát, thẩm định đề án vị trí việc làm hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý; tổng hợp, xây dựng đề án vị trí việc làm hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập gửi về Sở Nội vụ thẩm định.

**Bước 3.** Sở Nội vụ thẩm định đề án vị trí việc làm hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập, trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt (hoặc điều chỉnh) Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức theo chức danh nghề nghiệp theo quy định.

b) Trình tự xây dựng và phê duyệt Đề án vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên được thực hiện theo hướng dẫn này và quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

c) Thành phần hồ sơ đề nghị thẩm định Đề án vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm, gồm:

- Văn bản đề nghị phê duyệt Đề án vị trí việc làm;
- Đề án vị trí việc làm (kèm theo các biểu mẫu theo Hướng dẫn);
- Bản sao các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị; quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành;
- Các văn bản có liên quan đến việc xây dựng đề án.

**Lưu ý:** Hồ sơ thẩm định đề án vị trí việc làm ngoài gửi trên hệ thống quản lý văn bản ioffice, đề nghị các cơ quan, tổ chức, địa phương đóng thành 01 bộ, gửi về Sở Nội vụ để thẩm định.

### **3. Về nội dung thẩm định Đề án vị trí việc làm:**

- Hồ sơ trình phê duyệt đề án vị trí việc làm theo quy định;
- Sự cần thiết và cơ sở pháp lý của việc xây dựng đề án;
- Vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.
- Danh mục vị trí việc làm và bản mô tả công việc, khung năng lực, chức danh nghề nghiệp tương ứng, dự kiến số lượng người làm việc theo vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

### **4. Thời gian thực hiện:**

Các cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thành việc xây dựng Đề án vị trí việc làm và gửi về Sở Nội vụ **trước ngày 25/11/2023** để thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo

đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên tổ chức xây dựng, thẩm định, phê duyệt Đề án vị trí việc làm thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định, hoàn thành trước ngày 31/12/2023 và gửi về Sở Nội vụ để theo dõi, tổng hợp.

Trên đây là hướng dẫn của Sở Nội vụ về việc xây dựng đề án vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; đề nghị các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương chỉ đạo, triển khai đến từng tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý để thực hiện xây dựng đề án vị trí việc làm theo quy định. Các nội dung khác không nêu trong Hướng dẫn này, đề nghị các cơ quan, tổ chức nghiên cứu thực hiện theo Nghị định số 106/2020/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản liên quan khác nhưng không trái với quy định của Chính phủ và Hướng dẫn này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có nội dung vướng mắc, chưa rõ, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh về Sở Nội vụ (*Phòng Tổ chức, biên chế và tổ chức phi chính phủ; điện thoại: 0255.3826881 hoặc số điện thoại 0985 552 369*) để nghiên cứu, hướng dẫn giải quyết./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (*báo cáo*);
- Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Sở Nội vụ: Giám đốc, các Phó Giám đốc, các phòng ban chuyên môn, Trung tâm Lưu trữ lịch sử;
- Lưu: VT, P.TCBC.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Võ Xuân Hòa**